TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/DS-ST
Ngày 13-7-2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng hụi và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Việt Hưng.

2. Bà Ngô Diễm Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2017/TLST - DS ngày 24 tháng 3 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng hụi và hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2017/QĐXXST – DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị D**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: ấp ĐTA, xã TD, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn:

2.1 Ông **Lê Trường H** (vắng mặt).

2.2 Bà **Lương Thị T** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp ĐTA, xã TD, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/3/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày:

Ông Lê Trường H và bà Lương Thị T có tham gia hụi do bà Trương Thị D làm đầu thảo cụ thể như sau:

- Hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, mở ngày 15/01/2015âl, có 30 chưng, vợ chồng ông H và bà T tham gia 01 chưng. Thỏa thuận 5 ngày sau kể từ ngày khui hụi, hụi viên nào đóng trể sẽ chịu lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Lần khui thứ 4 thì ông H và bà T bỏ hụi số tiền 800.000 đồng để hốt, tổng số tiền hụi hốt được là 37.200.000 đồng, trừ tiền huê hồng 1.200.000 đồng, còn lại bà D giao hụi cho ông H và bà T số tiền 36.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông H và bà T đóng hụi chết được 19 lần, còn nợ lại 08 lần hụi không đóng với số tiền 16.000.000 đồng

- Hụi 2.000.000 đồng, mội tháng khui một lần, mở ngày 15/11/2015âl, có 22 chưng, vợ chồng ông H và bà T tham gia 01 chưng. Thỏa thuận 5 ngày sau kể từ ngày khui hụi, hụi viên nào đóng trể sẽ chịu lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến lần khui thứ 02 ông H và bà T bỏ hụi số tiền 650.000 đồng để hốt, tổng số tiền hốt được là 29.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 1.200.000 đồng, còn lại bà D giao cho ông H và bà T số tiền 27.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông H và bà T đóng hụi chết được 10 lần, còn nợ lại 10 lần hụi không đóng với số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 20/11/2016 ông H và bà T ngưng đóng hụi chết. Tổng số tiền hụi ông H và bà T nợ hai dây trên là 36.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông H và bà T còn vay tiền của bà cụ thể như sau:

- Ngày 20/10/2016 âl vay số tiền 13.000.000 đồng.

- Ngày 23/10/2016 âl vay số tiền 5.000.000 đồng.

Lãi suất theo thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau khi vay, ông H và bà T không trả lãi cũng như vốn theo thỏa thuận cho đến nay.

Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H và bà T trả lại cho bà tổng số tiền bằng 54.900.000 đồng. Trong đó tiền hụi là 36.000.000 đồng, số tiền vốn vay là 18.000.000 đồng, lãi suất đối với số tiền vay là 900.000 đồng.

Tại phiên tòa bà D xác định dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/01/2015 âl đến nay đã mãn, bà đã lấp hụi 08 lần bằng 16.000.000 đồng. Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/11/2015âl, hiện còn 02 lần khui là mãn, bà đã lấp hụi 08 lần bằng 16.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông H và bà T trả lại 32.000.000 đồng tiền hụi. Đối với khoản tiền vay bà giữ y yêu cầu khởi kiện, yêu cầu trả tiền vốn là 18.000.000 đồng và tiền lãi là 900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của ông Lê Trường H và bà Lương Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà T là đúng quy định pháp luật.

[2] Đối với việc tranh chấp hợp đồng hụi thì thấy rằng: Bà Trương Thị D làm chủ đầu thảo, bà Lương Thị T và ông Lê Trường H làm hụi viên tham gia giao dịch hai dây hụi 2.000.000 đồng. Dây thứ nhất mở ngày 15/01/2015âl gồm 30 chưng, ông H và bà T tham gia 01 chưng, đến kỳ khui hụi thứ 4 thì ông H và bà T hốt được số tiền 36.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông H và bà T đóng hụi chết được 19 lần thì ngưng, bà D đã bỏ tiền ra lấp hụi cho ông H và bà T 08 lần bằng 16.000.000 đồng, hiện nay dây hụi này đã mãn. Dây thứ hai mở ngày 15/11/2015âl gồm 22 chưng, ông H và bà T tham gia 01 chưng đến lần khui thứ 02 hốt được số tiền 27.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông H và bà T đóng hụi chết được 10 lần, còn nợ lại 10 lần hụi không đóng với số tiền 20.000.000 đồng. Dây hụi này còn 02 lần khui là mãn. Tại phiên tòa bà D khởi kiện đòi lại 08 lần bà bỏ tiền ra lấp hụi bằng 16.000.000 đồng, còn lại 02 lần bà chưa lấp thì bà D không yêu cầu và xác định tự thỏa thuận với bà T và ông H.

Xét lời trình bày trên của bà D là có cơ sở. Bởi lẽ, tại 02 đơn xin mở hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/01/2015âl và dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/11/2015âl có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, nội dung đơn có danh sách tên hụi viên tham gia là vợ chồng bà Lương Thị T. Tại giấy nhận tiền hốt hụi thể hiện bà Lương Thị T nhận tiền hốt hụi ngày 22/4/2015 là 36.000.000 đồng, nhận tiền hốt hụi ngày 22/12/2015 là 27.800.000 đồng. Lời trình bày khởi kiện của bà D và các chứng cứ trên kèm theo bà D đã nộp cho Tòa án, Tòa án có tống đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho bà T và ông H nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến phản bác nội dung bà D khởi kiện. Điều này cho thấy bà T và ông H là hụi viên tham gia giao dịch và hốt 02 dây hụi do bà D làm chủ đầu thảo là thực tế có xảy ra. Sau khi hốt hụi thì bà T và ông H đóng lại hụi chết cho đến tháng 11/2016 thì vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, không đóng hụi chết hàng tháng cho bà D, bà D là chủ hụi nên phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bà T và ông H, nên bà T và ông H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà D các lần chủ hụi đã thực hiện việc góp hụi thay cho bà T và ông H. Do đó, việc bà D khởi kiện đòi lại tiền nợ hụi chết bà đã lắp tổng bằng 32.000.000 đồng là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Đối với khoản tiền vay thì thấy rằng: Bà D khởi kiện đòi lại số tiền vốn vay ngày 20/10/2016âl 13.000.000 đồng và ngày 23/10/2016âl vay 5.000.000 đồng. Tại biên nhận của bà D cung cấp thể hiện ngày 20/10/2016 bà Lương Thị T hỏi vay 13.000.000 đồng và ngày 23/10/2016 vay 5.000.000 đồng. Như nhận định trên, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay bà T và ông H không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, cho thấy bà T và ông H chấp nhận theo nội dung khởi kiện của bà D là đúng. Do đó, bà D khởi kiện đòi lại số tiền vốn vay tổng

bằng 18.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với lãi suất, tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà D yêu cầu tính lãi suất số tiền vay 18.000.000 đồng cho đến nay bằng 900.000 đồng. Thấy rằng, sau khi bà T và ông H vay tiền quy định trả lãi ngày; phần tiền vốn thì khoảng 05 ngày sau trả lại nhưng ông H và bà T đã vi phạm việc trả lãi và vốn theo thỏa thuận đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D. Do đó, bà D yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay cho đến nay bằng 900.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Như vậy, tổng tiền hụi và tiền vay ông H và bà T phải trả cho bà D bằng 50.900.000 đồng.

[5] Đối với việc dây hụi mở ngày 15/11/2015âl hiện còn 02 lần khui là mãn hụi. Bà D xác định 02 lần bà chưa thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết thay cho bà T và ông H. Do đó, bà D tự nguyện không yêu cầu ông H và bà T hoàn trả 02 lần bằng 4.000.000 đồng. Xét yêu cầu này của bà D là tự nguyện và đây là quyền định đoạt của đương sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu giữa bà D và ông H, bà T không thỏa thuận được 02 lần đóng hụi chết của dây hụi mở ngày 15/11/2015âl thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm ông H và bà T phải chịu 2.545.000 đồng (50.900.000 đồng x 5%). Bà D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D. Buộc ông Lê Trường H và bà Lương Thị T hoàn trả lại cho bà Trương Thị D tổng số tiền hụi và tiền vay bằng 50.900.000 đồng (năm mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Trường H và bà Lương Thị T phải nộp 2.545.000 đồng (chưa nộp). Bà Trương Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà D 1.372.500 đồng tiền dự nộp tại biên lai số 0008589 ngày 24/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản

tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Kiên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.